CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Đống Đa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0305020995
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024.08.29 15:50:14+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Scanned with CamScanner

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 31

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/6/2007.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020995, thay đổi lần thứ 17 ngày 05/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp .

Công ty có trụ sở chính tại: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã điều hành hoạt động của Tập đoàn trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Chí Long	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Ngọc Lân	

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Công Đức	Trưởng ban
Ông Quảng Thanh Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Duyên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Lê Chí Long - Chủ tịch Hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp giữa niên độ nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Tập đoàn không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 31, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba

LÊ CHÍ LONG
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Scanned with CamScanner

Số: 052/2024/BCSXHN-HT.00099

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị**
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28/8/2023, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Tập đoàn Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

NGUYỄN TRUNG THÀNH
Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH
Thành phố Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Văn phòng Hà Nội • Tel: +8424 3837 3666 • Số 44 Nguyễn Công Hoan • Phường Ngọc Khánh • Quận Ba Đình • Thành phố Hà Nội • Việt Nam

AFC Việt Nam là công ty thành viên của tập đoàn PKF quốc tế, mạng lưới của các công ty độc lập và không thừa nhận bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào cho các hành động hoặc việc không hành động của bất kỳ công ty hoặc các công ty thành viên nào khác

Scanned with CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2024	01/01/2024
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**14.170.590.899**	**13.977.545.039**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**510.044.405**	**4.932.646.961**
Tiền	111		333.153.152	4.932.646.961
Các khoản tương đương tiền	112		176.891.253	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**13.637.127.437**	**9.021.201.299**
Phải thu khách hàng ngắn hạn	131	5.3	-	8.632.032.500
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.500.000	60.500.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	12.860.752.473	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	715.874.964	328.668.799
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**23.419.057**	**23.696.779**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.102.904	1.682.906
Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.316.153	22.013.873
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**90.016.557.581**	**90.356.896.029**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**21.700.000.000**	**21.700.000.000**
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	21.700.000.000	21.700.000.000
Tài sản cố định	**220**	**5.6**	**5.607.112**	**14.952.352**
Tài sản cố định hữu hình	221		5.607.112	14.952.352
- Nguyên giá	222		157.000.000	157.000.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(151.392.888)	(142.047.648)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**4.958.635.200**	**4.958.635.200**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	4.958.635.200	4.958.635.200
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**63.352.315.269**	**63.683.308.477**
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	22.006.253.188	22.179.790.205
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	43.800.000.000	43.800.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(2.453.937.919)	(2.296.481.728)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**-**	**-**
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**104.187.148.480**	**104.334.441.068**

Scanned with CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2024	01/01/2024
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**7.612.556.593**	**7.579.131.621**
Nợ ngắn hạn	**310**		**2.029.306.719**	**2.030.589.151**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	81.738.721	90.738.721
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	70.632.123	34.914.556
Phải trả người lao động	314		35.400.000	46.450.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8.900.000	19.400.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	1.784.632.001	1.791.082.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		48.003.874	48.003.874
Nợ dài hạn	**330**		**5.583.249.874**	**5.548.542.470**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.12	5.583.249.874	5.548.542.470
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**96.574.591.887**	**96.755.309.447**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.13**	**96.574.591.887**	**96.755.309.447**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.000.000.000	114.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*114.000.000.000*	*114.000.000.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		497.638.934	497.638.934
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		472.910.044	472.910.044
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.395.957.091)	(18.215.239.531)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(18.215.239.531)*	*(22.064.916.627)*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*(180.717.560)*	*3.849.677.096*
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**104.187.148.480**	**104.334.441.068**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	LÊ CHÍ LONG

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**6.1**	**-**	**2.183.395.500**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	**10**		**-**	**2.183.395.500**
Giá vốn hàng bán	11	6.2	-	2.137.590.000
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**-**	**45.805.500**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	680.527.903	2.822.909.325
Chi phí tài chính	22	6.4	268.320.079	(3.685.808.309)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*110.863.888*	*14.531.507*
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(173.537.017)	(1.372.003.695)
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	322.991.340	413.851.029
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(84.320.533)**	**4.768.668.410**
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	6.7	690.000	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(690.000)**	**-**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(85.010.533)**	**4.768.668.410**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	60.999.623	313.298.388
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	34.707.404	(42.471.070)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**(180.717.560)**	**4.497.841.092**
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(180.717.560)	4.497.841.092
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.10	(16)	395
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.10	(16)	395

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	LÊ CHÍ LONG

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(85.010.533)	4.768.668.410
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.345.240	20.962.584
Các khoản dự phòng	03		157.456.191	(3.700.339.816)
(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(506.990.886)	(1.450.905.630)
Chi phí lãi vay	06		110.863.888	14.531.507
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		**(314.336.100)**	**(347.082.945)**
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		8.624.730.220	(2.345.737.489)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		-	(21.000.000)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(23.817.499)	2.368.553.110
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		580.002	(11.749.037)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(110.863.888)	(16.241.096)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.814.556)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		**8.147.478.179**	**(373.257.457)**
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.576.711.963)	(34.580.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		33.715.959.490	44.900.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		300.321.738	1.991.138.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		**(12.560.430.735)**	**14.311.138.938**

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		10.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.000.000.000)	(1.300.000.000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.650.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(9.650.000)**	**(1.300.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(4.422.602.556)**	**12.637.881.481**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**4.932.646.961**	**622.166.588**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**510.044.405**	**13.260.048.069**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	LÊ CHÍ LONG

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/6/2007.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020995, thay đổi lần thứ 17 ngày 05/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 114.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá, giấy, vật tư ngành in;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá, phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc tập đoàn

a) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn có 01 công ty con (tại ngày 01/01/2024: 01 công ty con)
- Số lượng các Công ty được hợp nhất: 01 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

b) Các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam	Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	100%	100%

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK5B, KĐT Mỗ Lao, Làng Việt Kiều Châu Âu, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	47,4%	47,4%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Tập đoàn đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/1/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

▪ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

4.6 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.7 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.8 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

4.9 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở' hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đên giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.10 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.11 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.
Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.13 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủ ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Chi tiết các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.2

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	3.952.494	3.952.494
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	329.200.658	4.928.694.467
- Các khoản tương đương tiền (*)	176.891.253	-
Cộng	**510.044.405**	**4.932.646.961**

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	47.400.000.000	22.006.253.188	47.400.000.000	22.179.790.205
Cộng	**47.400.000.000**	**22.006.253.188**	**47.400.000.000**	**22.179.790.205**

Scanned with CamScanner

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 30/6/2024:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK5B, KĐT Mỗ Lao, Làng Việt Kiều Châu Âu, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	47,40%	Hoạt động tư vấn quản lý

c) Đầu tư vào đơn vị khác

	30/6/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP SX Tre Công nghiệp Mộc Châu	13.800.000.000	(2.453.937.919)	(*)	13.800.000.000	(2.296.481.728)	(*)
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	30.000.000.000	-	(*)	30.000.000.000	-	(*)
Cộng	**43.800.000.000**	**(2.453.937.919)**	**-**	**43.800.000.000**	**(2.296.481.728)**	**-**

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin về các khoản đầu tư khác của Công ty tại ngày 30/6/2024:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Đỏ	Phòng 4, Lầu 9, The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	9,375%	9,375%	Đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	Cụm CN Bó Bun, Thị Trấn Nông trường Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	4,970%	4,970%	Sản xuất nông nghiệp

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	-	-	8.632.032.500	-
Cộng	**-**	**-**	**8.632.032.500**	**-**

5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH MTV Chè Phú Bền (*)	12.860.752.473	-	-	-
Cộng	**12.860.752.473**	**-**	**-**	**-**

(*) Khoản cho vay theo hợp đồng 2023/TTBB/PHUBEN-VPBANK ngày 05/01/2024; thời hạn 12 tháng; lãi suất 9%/năm;

5.5. Phải thu khác

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**715.874.964**	**-**	**328.668.799**	**-**
- Cổ tức được chia	-	-	175.000.000	-
- Tạm ứng nhân viên	160.668.799	-	153.668.799	-
- Phải thu lãi cho vay	555.206.165	-	-	-
Dài hạn	**21.700.000.000**	**-**	**21.700.000.000**	**-**
- Hợp tác kinh doanh	21.700.000.000	-	21.700.000.000	-
Cộng	**22.415.874.964**	**-**	**22.028.668.799**	**-**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2023/HTKD ngày 01/11/2023 với Công ty Cổ phần Nông nghiệp TLK. Hợp tác thực hiện và triển khai đầu tư và quản lý sản xuất tại Công ty TNHH MTV chè Phú Bền; thời hạn 05 năm; Phân chia lợi nhuận sau thuế thực hiện theo kỳ 01 năm/lần, bắt đầu thực hiện từ năm thứ 02.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2024	**157.000.000**	**157.000.000**
Mua trong kỳ	-	-
Số dư 30/6/2024	**157.000.000**	**157.000.000**
Giá trị đã hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2024	**142.047.648**	**142.047.648**
Khấu hao trong kỳ	9.345.240	9.345.240
Số dư 30/6/2024	**151.392.888**	**151.392.888**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	14.952.352	14.952.352
Tại ngày 30/6/2024	**5.607.112**	**5.607.112**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý: 0 đồng

5.7. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án Văn phòng Vinataba tại Khu 6B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh		
+ Chi phí mua đất	4.875.000.000	4.875.000.000
+ Chi phí thiết kế	83.635.200	83.635.200
Cộng	**4.958.635.200**	**4.958.635.200**

5.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Trần Ngọc Bảo Châu (dự án đất Bình Chánh)	81.250.000	81.250.000	81.250.000	81.250.000
- Phải trả đối tượng khác	488.721	488.721	9.488.721	9.488.721
Cộng	**81.738.721**	**81.738.721**	**90.738.721**	**90.738.721**

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.814.556	60.999.623	28.814.556	60.999.623
Thuế thu nhập cá nhân	6.100.000	21.832.500	18.300.000	9.632.500
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	**34.914.556**	**88.832.123**	**53.114.556**	**70.632.123**

5.10. Phải trả khác ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.775.510.000	1.785.160.000
- Các khoản phải trả khác	9.122.001	5.922.000
Cộng	**1.784.632.001**	**1.791.082.000**

5.11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/6/2024	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	01/01/2024
	VND	VND	VND	VND
CN Tổng Công ty chè Việt Nam - Công ty CP tại Sơn La - Vinatea Mộc Châu	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Cộng	**-**	**10.000.000.000**	**10.000.000.000**	**-**

5.12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	5.583.249.874	5.548.542.470
- Số bù trừ với tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	
Cộng	**5.583.249.874**	**5.548.542.470**

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2023	**114.000.000.000**	**497.638.934**	**472.910.044**	**(22.064.916.627)**	**92.905.632.351**
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.849.677.096	3.849.677.096
Số dư 01/01/2024	**114.000.000.000**	**497.638.934**	**472.910.044**	**(18.215.239.531)**	**96.755.309.447**
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(180.717.560)	(180.717.560)
Số dư 30/6/2024	**114.000.000.000**	**497.638.934**	**472.910.044**	**(18.395.957.091)**	**96.574.591.887**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Vốn góp của các cổ đông	114.000.000.000	114.000.000.000
Cộng	**114.000.000.000**	**114.000.000.000**

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

		Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Năm 2023 VND
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+	Vốn góp đầu kỳ	114.000.000.000	114.000.000.000
+	Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+	Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+	Vốn góp cuối kỳ	114.000.000.000	114.000.000.000
-	Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

		30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
-	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
-	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
+	Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000
+	Cổ phiếu ưu đãi	-	-
-	Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+	Cổ phiếu phổ thông	-	-
+	Cổ phiếu ưu đãi	-	-
-	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.400.000	11.400.000
+	Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000
+	Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

e) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

f) Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	497.638.934	497.638.934
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	472.910.044	472.910.044

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hoá	-	2.183.395.500
Cộng	**-**	**2.183.395.500**

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa	-	2.137.590.000
Cộng	**-**	**2.137.590.000**

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	680.527.903	2.043.250.120
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	779.659.205
Cộng	**680.527.903**	**2.822.909.325**

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	110.863.888	14.531.507
- Trích lập /(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	157.456.191	(3.700.339.816)
Cộng	**268.320.079**	**(3.685.808.309)**

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	192.900.000	172.900.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.345.240	20.962.584
- Các khoản khác	120.746.100	219.988.445
Cộng	**322.991.340**	**413.851.029**

6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Chi phí nhân công	192.900.000	172.900.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	9.345.240	20.962.584
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.277.300	141.795.579
- Chi phí khác bằng tiền	64.468.800	78.192.866
Cộng	**322.991.340**	**413.851.029**

6.7. Chi phí khác

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Chi phí khác	690.000	-
Cộng	**690.000**	**-**

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	60.999.623	313.298.388
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN nghiệp của các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**60.999.623**	**313.298.388**

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	34.707.404	(42.471.070)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	**34.707.404**	**(42.471.070)**

6.10. Lãi trên cổ phiếu

	Đơn vị tính	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
		VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	(180.717.560)	4.497.841.092
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**VND**	**(180.717.560)**	**4.497.841.092**
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong kỳ	Cổ phần	11.400.000	11.400.000
Lãi trên cổ phiếu			
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần	(16)	395
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần	(16)	395

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP SX ƯD Công nghệ cao Thái Sơn	Công ty liên kết
2	Ông Lê Chí Long	Chủ tịch HĐQT - Thành viên chủ chốt
3	Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên HĐQT - Thành viên chủ chốt
4	Ông Vũ Ngọc Lân	Thành viên HĐQT - Thành viên chủ chốt
5	Ông Nguyễn Anh Ngọc	Thành viên HĐQT đến ngày 19/4/2023
6	Ông Nguyễn Công Đức	Trưởng BKS - Thành viên chủ chốt
7	Ông Quảng Thanh Bình	Thành viên BKS - Thành viên chủ chốt
8	Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên BKS - Thành viên chủ chốt
9	Bà Nguyễn Thị Thùy Duyên	Kế toán trưởng - Thành viên chủ chốt

b) Giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Lê Chí Long	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Hạnh	12.000.000	12.000.000
Ông Đỗ Anh Ngọc	-	7.000.000
Ông Vũ Ngọc Lân	12.000.000	-
Ban kiểm soát		
Ông Nguyễn Công Đức	9.000.000	9.000.000
Nguyễn Thị Phương	6.000.000	-
Ông Quảng Thanh Bình	6.000.000	2.500.000
Kế toán trưởng		
Bà Nguyễn Thị Thùy Duyên	120.000.000	100.000.000
	183.000.000	**148.500.000**

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7.3 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

a) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của kỳ kế toán từ 01/01/2024 đến 30/6/2024:

Khoản mục	Hoạt động bán hàng	Hoạt động đầu tư	Hoạt động không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	-	680.527.903	-	680.527.903
Chi phí của bộ phận	-	441.857.096	-	441.857.096
Kết quả kinh doanh của bộ phận	**-**	**238.670.807**	**-**	**238.670.807**
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-
Chi phí không phân bổ	-	-	322.991.340	322.991.340
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	**-**	**238.670.807**	**(322.991.340)**	**(84.320.533)**
Thu nhập khác	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	690.000	690.000
Chi phí thuế TNDN	-	60.999.623	-	60.999.623
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	34.707.404	-	34.707.404
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**-**	**142.963.780**	**(323.681.340)**	**(180.717.560)**

b) Tài sản theo bộ phận tại ngày 30/6/2024:

Khoản mục	Hoạt động bán hàng	Hoạt động đầu tư	Hoạt động không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	-	104.187.148.480	-	104.187.148.480
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	**-**	**104.187.148.480**	**-**	**104.187.148.480**
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả bộ phận	-	7.612.556.593	-	7.612.556.593
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng Nợ phải trả	**-**	**7.612.556.593**	**-**	**7.612.556.593**

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/6/2023:

Khoản mục	Hoạt động bán hàng	Hoạt động đầu tư	Hoạt động không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	2.183.395.500	2.822.909.325	-	5.006.304.825
Chi phí của bộ phận	2.137.590.000	(2.313.804.614)	-	(176.214.614)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	**45.805.500**	**5.136.713.939**	**-**	**5.182.519.439**
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-
Chi phí không phân bổ	-	-	413.851.029	413.851.029
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh	**45.805.500**	**5.136.713.939**	**(413.851.029)**	**4.768.668.410**
Thu nhập khác	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN	-	313.298.388	-	313.298.388
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	(42.471.070)	(42.471.070)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**45.805.500**	**(313.298.388)**	**(413.851.029)**	**4.497.841.092**

b) Tài sản theo bộ phận tại ngày 31/12/2023:

Khoản mục	Hoạt động bán hàng	Hoạt động đầu tư	Hoạt động không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	-	104.334.441.068	-	104.334.441.068
Tài sản không phân bổ		-	-	-
Tổng tài sản	**-**	**104.334.441.068**	**-**	**104.334.441.068**
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả bộ phận	-	7.579.131.621	-	7.579.131.621
Nợ phải trả không phân bổ		-	-	-
Tổng Nợ phải trả	**-**	**7.579.131.621**	**-**	**7.579.131.621**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu bộ phận. Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chỉ phát sinh tại thị trường trong nước, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Tập đoàn đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	LÊ CHÍ LONG

Scanned with CamScanner